TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2017/DSST
Ngày: 16-3-2017
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Nguyễn Công Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp *tham gia phiên tòa:*

Ông Tạ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2016/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2017/QĐXX- ST ngày 12 tháng 01 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2017/QĐST- DS ngày 20 tháng 02 năm 2017(Tuyên án vào ngày 16 tháng 3 năm 2017) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T
Trụ sở: Tầng 1-7 tòa nhà T, 72 Đ, phường T, quận H, Tp. Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:
Ông D -Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T
Địa chỉ chi nhánh: 165 H, phường N, Quận H, TP. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
ÔngT, sinh năm 1993
Địa chỉ: 03 N, Phường F, Quận Q, TP. Hồ Chí Minh
(Theo văn bản ủy quyền số: 01/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 14/10/2016).
(Có mặt)
2. *Bị đơn*: Ông H, sinh năm 1968
Địa chỉ: 448 P, Phường D, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 07/4/2016, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 23/12/2016, bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa, ông T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/9/2012, ông H có ký hợp đồng tín dụng số 20120908-100060-0003 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T (Gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, mục đích vay là để tiêu dùng. Theo thỏa thuận tại hợp đồng ông Hạnh có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 89.225.000 đồng (gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong vòng 48 tháng, 47 tháng đầu mỗi tháng trả 1.859.000 đồng vào ngày 05 hàng tháng. Tháng cuối cùng trả 1.852.000 đồng, bắt đầu từ ngày 05/10/2012.

Thực hiện hợp đồng ông Hạnh đã nhận đủ số tiền và đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam T được 18 lần với số tiền 35.262.000 đồng (trong đó gốc đã trả 11.944.654 đồng và tiền lãi là 23.317.346 đồng). Kể từ ngày 15/03/2014 ông Hạnh không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Hạnh vẫn không thực hiện việc trả nợ như đã thỏa thuận theo hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh lý hợp đồng trả khoản tiền bao gồm:

- Trả toàn bộ khoản nợ tới hạn: 42.816.000 đồng
- Nợ gốc chưa tới hạn: 10.176.617 đồng
- Khoản lãi của tháng cuối cùng: 271.377 đồng
- Trả khoản phí thanh lý sớm: 1.314.947 đồng
- Phạt do trễ hạn thanh toán: 47.898.948 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Hạnh phải trả là 102.477.889 đồng.

Ngày 19/12/2016 đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn đã làm đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H phải thanh toán các khoản sau:

- Khoản nợ gốc tới hạn: 36.255.346 đồng.
- Khoản nợ lãi tới hạn : 17.707.654 đồng
- Tổng cộng : 53.963.000 đồng

Tòa án đã tống đạt hợp lệ và triệu tập ông Hạnh đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông Hạnh không đến Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Hạnh tại địa chỉ 448 P, Phường D, quận G, Tp. Hồ Chí Minh và địa chỉ 818/15 Nguyễn Kiệm, Phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ của ông Hạnh, tuy nhiên ông Hạnh chuyển đi ở nơi khác không thông báo cho Ngân hàng vì vậy, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T yêu cầu tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông H tại địa chỉ 448/65/40 Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh để xét xử vắng mặt ông Hạnh .

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Hạnh không đến vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Hạnh hợp lệ theo quy định pháp luật. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T do ôngT là đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu buộc ông H phải trả số tiền còn thiếu phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20120908-100060-0003 ngày 05/9/2012, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 53.963.000 đồng, trong đó gồm:

- Khoản nợ gốc tới hạn là 36.255.346 đồng;
- Khoản nợ lãi tới hạn là 17.707.654 đồng.

Thanh toán trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án (nếu có) thì nguyên đơn yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 theo đó mức lãi suất được tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng .

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn đề ngày 07/4/2016, cụ thể :

- Trả khoản phí thanh lý sớm: 1.314.947 đồng
- Phạt do trễ hạn thanh toán: 47.898.948 đồng.

Ông Hạnh là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa nhưng người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T là 53.963.000 đồng, trong đó gồm:

- Tiền nợ gốc là 36.255.346 đồng;
- Lãi suất tới hạn là 17.707.654 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T khởi kiện bị đơn ông H về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 20120908-

100060-0003 ngày 05/9/2012 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn ông Hạnh có nơi cư trú cuối cùng tại 448/65/40 Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hạnh theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20120908-100060-0003 ngày 05/9/2012 đã ký giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T với ông H cũng như trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngay sau khi ký hợp đồng ông Hạnh đã nhận đủ tiền vay 50.000.000 đồng, Tuy nhiên từ khi vay cho đến nay ông Hạnh mới trả được 18 lần với số tiền 35.262.000 đồng (trong đó gốc đã trả 11.944.654 đồng và tiền lãi là 23.317.346 đồng)

Theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký ông Hạnh phải thanh toán cho Ngân hàng 48 kỳ. Tuy nhiên sau khi nhận đủ số tiền vay, ông Hạnh mới chỉ thanh toán được cho Ngân hàng 18 kỳ với tổng số tiền là 35.262.000 đồng, trong đó gốc đã trả 11.944.654 đồng (Theo bảng lịch sử thanh toán) như vậy ông Hạnh còn phải trả 38.055.346 đồng tiền nợ gốc theo hợp đồng nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Hạnh trả số tiền nợ gốc là 36.255.346 đồng là số tiền nợ gốc thấp hơn so với nợ gốc thực tế phải trả. Ông Hạnh đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T buộc ông Hạnh phải trả số tiền nợ gốc là 36.255.346 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ Mục 2.2 Điều 2 Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20120908-100060-0003 đã ký ngày 05/9/2012 lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/tháng.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 quy định "… Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là

41.025.000 đồng theo hợp đồng tuy nhiên ông Hạnh mới trả được 23.317.346 đồng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ lãi là 17.707.654 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi phạt do trễ hạn thanh toán là 47.898.948 đồng và phần khoản phí thanh lý sớm là 1.314.947 đồng do nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với với phần yêu cầu này của nguyên đơn.

Về tiền lãi suất chậm thi hành án:

Tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án (nếu có) nguyên đơn yêu cầu tính theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 theo đó mức lãi suất được tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng. Yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có lợi cho bị đơn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 2.561.947 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 53.963.000 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 2.698.150 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Áp dụng Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

- Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 53.963.000 (Năm mươi ba triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn) đồng, trong đó gồm: Tiền nợ gốc là 36.255.346 đồng; lãi suất tới hạn là 17.707.654 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu ông Hạnh chưa thi hành thì ông Hạnh còn phải chịu thêm khoản

tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T đối với tiền lãi phạt do trễ hạn thanh toán là 47.898.948 đồng và phần khoản phí thanh lý sớm là 1.314.947 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.698.150
(Hai triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn một trăm năm mươi) đồng.

Hoàn lại số tiền 2.561.947(Hai triệu năm trăm sáu mươi mốt ngàn chín trăm bốn mươi bảy) đồng tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số 0006832 ngày 27/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :
- VKSND quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tưởng Công Sơn